

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 52/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 01 năm 2026
Về việc “Tranh chấp về ly hôn
và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lý Thị Rỡ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi và bà Huỳnh Thị Thể Phụng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thái Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – An Giang tham gia phiên toà: Ông Trương Minh Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 255/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Thúy K, sinh năm 1980, căn cước công dân số: 087180007978. Nơi cư trú: Ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, căn cước công dân số: 089085008847; Nơi cư trú: Tổ C, ấp B, xã B, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trương Thị Thúy K trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016, chị K và anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2017 ngày 11/8/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do anh T thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ, thời gian đầu chị còn

chịu đựng nhưng dần dần không chịu đựng tiếp tục được nữa, nên chị có đuổi anh T về quê một vài lần. Vì thương con nên chị lại cho T tiếp tục về sống chung. Khoảng giữa năm 2024, do bị đánh đập quá nhiều nên chị đuổi anh T ra khỏi nhà cùng sự hỗ trợ của em gái ruột của mình, anh T bỏ đi trong cùng ngày, thời gian này anh T có qua lại để thăm con chung của vợ chồng. Tuy nhiên do sợ anh T tiếp tục nhậu nhẹt và đánh đập nên chị không cho vào nhà, không đồng ý hàn gắn tình cảm, chỉ cho anh T thăm nom, chăm sóc con chung. Chị K và anh T chính thức ly thân từ khoảng giữa năm 2024 đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn tình cảm. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên chị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Trương Chí B, sinh ngày 28/6/2017, hiện tại B do chị K nuôi dưỡng, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh T không có ý kiến đối với yêu cầu của chị K và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có lý do.

Tại phiên tòa:

Chị K và anh T đều vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chấp hành chưa nghiêm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận cho chị K được ly hôn với anh T, giao con chung Nguyễn Trương Chí B cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng cho con. Chị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Tú có địa chỉ cư trú tại xã B, tỉnh An Giang. Chị K khởi kiện xin ly hôn với anh T, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 12 – An Giang.

[1.2] Chị K khởi kiện xin ly hôn với anh T, yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Anh Tú vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị K. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn”.

[1.3] Chị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Tú đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 228, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án, xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được và trình bày của các đương sự thể hiện: Chị K và anh T kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 48/2017 ngày 11/8/2017. Quan hệ hôn nhân này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đúng theo quy định của Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.1.2] Tại Biên bản lấy lời khai trình ngày 25/12/2025 ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông C là cậu ruột của anh T. Mẹ anh T mất sớm nên anh T sống với ông C. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự anh T làm công nhân ở tỉnh khác. Đến tháng 9/2025 anh T bị tai nạn giao thông, vợ anh T là chị K không đưa bệnh viện, đến 7-8 ngày sau mới ông C biết được sự việc và đưa anh T về điều trị. Sau khi ra viện, anh T đi chăn vịt mướn, không có mặt ở địa phương. Về mâu thuẫn giữa chị K và anh T thì ông không rõ. Anh C chỉ biết lý do anh T bị tai nạn giao thông là do anh T đến nhà chị K thăm con nhưng chị K không cho thăm, chị K báo công an nên anh T sợ bỏ chạy và bị tai nạn. Thời gian anh T điều trị chị K không quan tâm, không thăm hỏi lần nào. Ông nghe anh T nói lại chị K ngoại tình nên không cho anh T đến thăm. Tại Tờ tường trình của ông Trương Văn T1 ngày 05/12/2025 có nội dung: nguyên nhân mâu thuẫn do anh T uống rượu đánh đập chị K, nhiều lần phải nhờ địa phương can thiệp. Năm 2024 chị K đuổi anh T ra khỏi nhà chỉ cho thăm con, vợ chồng ly thân đến nay.

Xét thấy, quá trình chung sống chị K và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh chị không tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2024 đến nay. Anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải thương yêu,

tôn trọng, chung sống với nhau. Do đó, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị K được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị K và anh T có một con chung tên Nguyễn Trương Chí B, sinh ngày 28/6/2017 hiện nay chị K đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến đối với yêu cầu của chị K. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu B, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K, giao cháu B cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị K không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng cho con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Thúy K. Chị Trương Thị Thúy K được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trương Chí B, sinh ngày 28/6/2017 cho chị Trương Thị Thúy K tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trương Thị Thúy K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007981 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh Tú không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 12 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Phong Mỹ, tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Rỡ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỊCH-CHỦ TOẠ PHIÊN TO

Nguyễn Thị Kim Chi Huỳnh Thị Thể Phụng

Lý Thị Rỡ